

Số: /KL-SYT

Kon Tum, ngày tháng 01 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

**Về việc thanh tra trách nhiệm phòng, chống tham nhũng;
việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; hoạt động thanh tra
của Thủ trưởng đơn vị; việc chấp hành pháp luật trong quản lý,
sử dụng các nguồn kinh phí tại Trung tâm Y tế thành phố Kon Tum**

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của đoàn thanh tra và trình tự thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra;

Thực hiện Quyết định số 1333/QĐ-SYT ngày 25/10/2022 của Giám đốc Sở Y tế về việc thanh tra trách nhiệm phòng, chống tham nhũng; việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; hoạt động thanh tra của Thủ trưởng đơn vị; việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí tại Trung tâm Y tế thành phố Kon Tum; Quyết định số 1452/QĐ-SYT ngày 15/11/2022 của Giám đốc Sở Y tế về việc bổ sung thành viên Đoàn thanh tra;

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 14/BC-ĐTT ngày 30/12/2022 của Trưởng đoàn thanh tra về việc báo cáo kết quả thanh tra trách nhiệm phòng, chống tham nhũng; việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; hoạt động thanh tra của Thủ trưởng đơn vị; việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí tại Trung tâm Y tế (TTYT) thành phố Kon Tum,

Giám đốc Sở Y tế Kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

I. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của TTYT thành phố Kon Tum

1. Khái quát đặc điểm và tình hình kinh tế, xã hội tác động trực tiếp đến hoạt động của đơn vị:

TTYT thành phố Kon Tum được thành lập theo Quyết định số 343/QĐ-UB ngày 19/9/1989 của Ủy ban nhân dân thị xã Kon Tum (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum).

TTYT thành phố là đơn vị sự nghiệp, không có hệ bệnh viện, có chức năng tham mưu và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, kỹ thuật về công tác khám bệnh, chữa bệnh; thực hiện các chương trình mục tiêu về y tế, phòng chống dịch bệnh, phòng chống HIV/AIDS; phòng, chống các bệnh xã hội; an toàn vệ sinh thực phẩm; chăm sóc sức khỏe sinh sản; truyền thông giáo dục sức khỏe; dân số và kế hoạch hóa gia đình.

2. Vị trí, chức năng; nhiệm vụ, quyền hạn:

a) *Vị trí:* TTYT thành phố Kon Tum là đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh Kon Tum, có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu, tài khoản riêng được mở tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật. Chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, nhân lực, hoạt động, tài chính và cơ sở vật chất của Sở Y tế; chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ của các đơn vị y tế, dân số tuyến tỉnh, Trung ương và chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum theo quy định của pháp luật.

b) *Chức năng:* TTYT thành phố Kon Tum có chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, an toàn thực phẩm, dân số và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.

c) *Nhiệm vụ, quyền hạn:* Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 07/2021/TT-BYT ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của trạm y tế xã, phường, thị trấn và các văn bản pháp luật có liên quan.

II. Cơ cấu tổ chức, nhân lực của TTYT thành phố Kon Tum

1. Cơ cấu tổ chức:

- Lãnh đạo đơn vị: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

- Các phòng chức năng và khoa chuyên môn: Phòng Tổ chức - Hành chính - Tài chính - Kế toán; phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng - Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe; khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS - Tư vấn và điều trị nghiện chất; khoa An toàn thực phẩm - Y tế công cộng - Dinh dưỡng - Chăm sóc sức khỏe sinh sản; khoa Khám bệnh - Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh; khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế.

- Trạm Y tế: 21 Trạm Y tế xã, phường trực thuộc Trung tâm (gồm: 11 Trạm Y tế xã và 10 Trạm Y tế phường).

2. **Nhân lực:** Tổng số biên chế được giao theo Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum là 179 biên chế (bao gồm hợp đồng theo Nghị định 68/NĐ-CP). Nhân lực thực tế tính đến thời điểm 31/12/2021: 176 người. Trong đó, biên chế: 171 người; hợp đồng theo nghị định 68/NĐ-CP: 01 người; hợp đồng lao động chuyên môn: 03 người; hợp đồng lao động khác: 01 người.

III. Tình hình thực hiện chỉ tiêu, kế hoạch năm 2021

Chi tiết tại phụ lục đính kèm.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA

Quá trình thanh tra, Đoàn thanh tra chỉ tiến hành kiểm tra tính rõ ràng, đầy đủ, kịp thời, chính xác đối với một số chứng từ thu, chi do đơn vị cung cấp theo phương pháp chọn mẫu; đối chiếu số liệu trên sổ kế toán và báo cáo Tài chính. Đoàn thanh tra không xác minh, đối chiếu số liệu với các đơn vị có liên quan; không tiến hành kiểm kê, đối chiếu tài sản, công nợ, thuốc, vật tư, hóa chất, hàng

hóa tồn kho, tiền mặt tồn quỹ; không xác minh chứng từ bên ngoài cung cấp. Không kiểm tra các nguồn kinh phí chi cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19. Đối với hồ sơ mua sắm, sửa chữa tài sản công, chỉ kiểm tra quy trình tổ chức mua sắm theo quy định hiện hành của Nhà nước; không kiểm tra khối lượng thực tế, mua sắm, sửa chữa và nghiệm thu thanh toán theo tiêu chuẩn định mức kỹ thuật. Các hồ sơ, chứng từ, tài liệu trước và sau năm 2021, Đoàn thanh tra không kiểm tra, xác minh. Đơn vị chịu trách nhiệm về tính trung thực, hợp pháp trong quá trình mua sắm, quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí tại đơn vị.

Kết quả kiểm tra như sau:

I. Tình hình thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và hoạt động thanh tra của Thủ trưởng đơn vị

1. Công tác phòng, chống tham nhũng

1.1. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng (PCTN)

a) Việc xây dựng chương trình, kế hoạch công tác PCTN theo quy định:

Đơn vị đã ban hành các văn bản: Kế hoạch số 31/KH-YTKT ngày 22/02/2021 về việc triển khai công tác PCTN năm 2021; Báo cáo số 181/BC-YTKT ngày 11/5/2021 về việc triển khai công tác PCTN quý I năm 2021 và kết quả triển khai các nội dung theo chỉ đạo của UBND tỉnh trong công tác PCTN từ ngày 15/02/2021 đến ngày 10/5/2021.

b) Việc tuyên truyền, phổ biến về PCTN:

- Đơn vị đã ban hành các văn bản: Kế hoạch số 25/KH-YTKT ngày 02/02/2021 về phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2021; Kế hoạch số 113/KH-YTKT ngày 19/4/2021 về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật quý II năm 2021; Báo cáo số 283/BC-YTKT ngày 08/6/2021 về kết quả phổ biến, giáo dục pháp luật 6 tháng đầu năm 2021; Kế hoạch số 165/KH-YTKT ngày 07/7/2021 về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật quý III năm 2021; Kế hoạch số 199/KH-YTKT ngày 15/10/2021 về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật quý IV năm 2021; Kế hoạch số 203/KH-YTKT ngày 18/10/2021 về hưởng ứng ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2021.

- Tồn tại, hạn chế: Trong năm 2021, đơn vị tổ chức 01 lần/02 lớp tuyên truyền phổ biến pháp luật với 171 người tham dự. Tuy nhiên, nội dung thực hiện chưa đầy đủ. Cụ thể, chưa tuyên truyền phổ biến về Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản quy phạm pháp luật về PCTN.

c) Việc thực hiện các biện pháp về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Năm 2021, đơn vị chưa thực hiện việc công khai minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN.

d) Xây dựng, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

Đơn vị đã ban hành các văn bản: Quyết định số 270/QĐ-YTKT ngày 30/11/2018 của Giám đốc TTYT thành phố Kon Tum về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; Quyết định số 01/QĐ-YTKT ngày 04/01/2021 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021.

đ) Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn:

Đơn vị không xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác năm 2021 theo quy định tại Điều 26 Luật Phòng, chống tham nhũng; không có báo cáo kết quả chuyển đổi vị trí công tác.

e) Việc xử lý và giải quyết phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng:
Năm 2021, đơn vị không có nội dung phản ánh, tố cáo về hành vi tham nhũng.

f) Việc thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra, báo cáo kiểm toán, các quyết định xử lý và việc chấp hành chỉ đạo của cấp trên về công tác PCTN:

- Năm 2021, tại đơn vị không có kết luận thanh tra, kiểm tra, báo cáo kiểm toán.

- Chưa nghiêm túc thực hiện văn bản chỉ đạo của cấp trên về công tác PCTN, cụ thể:

+ Thực hiện Công văn số 2763/UBND-NC ngày 09/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai nhiệm vụ trọng tâm công tác PCTN 6 tháng cuối năm 2021; Sở Y tế ban hành văn bản số 3860/SYT-TTrS ngày 17/8/2021 về việc triển khai nhiệm vụ trọng tâm công tác PCTN 6 tháng cuối năm 2021;

+ Thực hiện Công văn số 3573/UBND-NC ngày 05/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường công tác PCTN, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh; Sở Y tế ban hành Công văn số 4950/SYT-TTrS ngày 07/10/2021 về việc tăng cường công tác PCTN, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

+ Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 3916/UBND-NC ngày 01/11/2021, Sở Y tế ban hành Công văn số 5841/SYT-TTrS ngày 11/11/2021 về việc triển khai công tác PCTN, tiêu cực các tháng cuối năm 2021.

Qua kiểm tra, nhận thấy đơn vị không có tài liệu kiểm chứng đã triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo nêu trên.

1.2. Việc thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập

a) Việc tổ chức kê khai tài sản, thu nhập:

- Tổng số người kê khai TSTN: 86 người (*trong đó, kê khai lần đầu: 39; kê khai hàng năm: 43; kê khai phục vụ công tác cán bộ: 04*).

- Số người chưa kê khai: Không.

b) Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập:

- Tổng số bản kê khai TSTN được công khai: 86 người.

- Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở cơ quan (*có Biên bản công khai bản kê khai TSTN ngày 15/12/2021*).

- Số người chưa thực hiện công khai bản kê khai TSTN: Không.

c) Bàn giao bản kê khai TSTN: Bản kê khai tài sản, thu nhập được bàn giao về Sở Y tế để bàn giao cho Thanh tra tỉnh kiểm soát theo quy định của pháp luật; đơn vị lưu 01 bản vào hồ sơ viên chức tại đơn vị.

d) Công tác theo dõi, báo cáo: Đơn vị đã mở sổ theo dõi giao nhận bản kê khai TSTN; báo cáo kết quả thực hiện kê khai, công khai TSTN năm 2021 tại Báo cáo số 88/BC-YTKT ngày 19/01/2022.

đ) *Tồn tại hạn chế:* Năm 2021, đơn vị không xây dựng kế hoạch kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm theo Kế hoạch số 3731/KH-UBND ngày 18/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Kế hoạch số: 5779/KH-SYT ngày 09/11/2021 của Sở Y tế về việc thực hiện kê khai, công khai TSTN năm 2021.

1.3. Việc xử lý người có hành vi tham nhũng: Năm 2021, đơn vị chưa phát hiện người có hành vi tham nhũng.

1.4. Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng: Năm 2021, đơn vị không có báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo; kiến nghị, phản ánh

2.1. Thực hiện pháp luật về tiếp công dân

a) *Các nội dung đã triển khai thực hiện:*

- Đơn vị đã ban hành các văn bản: Quyết định số 211/QĐ-YTTP ngày 02/12/2016 của Giám đốc TTYT thành phố Kon Tum về việc ban hành Quy trình tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại TTYT thành phố Kon Tum; Quyết định số 223/QĐ-YTKT ngày 16/9/2019 của Giám đốc TTYT thành phố Kon Tum về việc ban hành Nội quy tiếp công dân của cơ quan TTYT thành phố Kon Tum; Quyết định số 161/QĐ-YTKT ngày 06/8/2020 của TTYT thành phố Kon Tum về việc phân công viên chức phụ trách trực đường dây nóng của TTYT thành phố Kon Tum.

- Đã mở số nhật ký đường dây nóng; số tổng hợp phản ánh, kiến nghị qua đường dây nóng; số tiếp công dân.

b) *Tồn tại, hạn chế:*

- Năm 2021, đơn vị chưa xây dựng kế hoạch hoặc lịch tiếp công dân.

- Có bố trí phòng tiếp công dân. Tuy nhiên, phòng tiếp công dân được bố trí chung trong phòng Tổ chức - Hành chính.

- Việc mở sổ tiếp công dân chưa đúng quy định. Cụ thể: Sổ tiếp công dân được cập nhật, ghi chép từ ngày 01/01/2021; nhưng sổ tiếp công dân lại thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ (*Thông tư số 04/2021/TT-TTCT có hiệu lực từ ngày 15/11/2021 thay thế Thông tư số 06/2014/TT-TTCT*). Như vậy, trước ngày 15/11/2021, đơn vị phải thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 của Tổng Thanh tra Chính phủ.

- Năm 2021, đơn vị không có báo cáo tiếp công dân.

2.2. Thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo

- Năm 2021, đơn vị tiếp nhận 01 đơn khiếu nại của viên chức thuộc quyền quản lý của đơn vị; nội dung khiếu nại là: Không chi trả chế độ trực ngày thứ bảy, chủ nhật ngày nghỉ lễ theo quy định của Nhà nước.

Đơn vị đã thực hiện giải quyết đơn khiếu nại chưa đúng các quy định của pháp luật, dẫn đến viên chức gửi đơn khiếu nại lần 2 lên Sở Y tế để giải quyết theo thẩm quyền giải quyết đơn khiếu nại lần 2.

- Năm 2021, đơn vị không có báo cáo về giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra của Thủ trưởng đơn vị

Năm 2021, đơn vị không tổ chức thực hiện tự kiểm tra công tác phòng, chống tham nhũng; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại đơn vị.

4. Thực hiện dân chủ trong hoạt động của đơn vị; việc tổ chức Hội nghị viên chức, người lao động

4.1. Thực hiện Quy chế dân chủ

Đơn vị đã ban hành các văn bản:

- Quyết định số 01-QĐ/CB ngày 11/8/2020 của Chi bộ TTYT thành phố Kon Tum về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ của TTYT thành phố Kon Tum; Văn bản số 01-PCNV/BCĐ-CB ngày 11/8/2020 của Chi bộ TTYT thành phố Kon Tum về việc phân công nhiệm vụ Ban Chỉ đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ của TTYT thành phố Kon Tum; Quyết định số 02-QĐ/CB ngày 12/8/2020 của Chi bộ TTYT thành phố Kon Tum về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ của TTYT thành phố Kon Tum; Quyết định số 01/QĐ-CĐCS ngày 05/01/2021 của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở TTYT thành phố Kon Tum về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; Kế hoạch hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân số 01/KHHĐ-TTND ngày 26/02/2021.

- Báo cáo tình hình hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân số 02/BC-TTND ngày 07/12/2021; Kế hoạch số 05-KH/CB ngày 21/6/2021 về việc tự kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo số 14-BC/CB ngày 29/6/2021 về việc báo cáo kết quả thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở 6 tháng đầu năm 2021; Kế hoạch số 07-KH/CB ngày 17/12/2021 về việc tự kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở 6 tháng cuối năm 2021.

4.2. Tổ chức Hội nghị viên chức, người lao động:

Đơn vị tổ chức Hội nghị công chức, viên chức và người lao động năm 2021 theo quy định tại Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (*Hội nghị được tổ chức ngày 28/12/2020, có hồ sơ lưu tại phòng Tổ chức - Hành chính*).

4.3. Tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở:

Năm 2021, đơn vị chưa thực hiện công khai các nội dung phải công khai để viên chức biết theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tồn tại, hạn chế:

5.1. Đơn vị chưa xây dựng kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ đầu năm (*tháng 10 năm 2021 đơn vị mới xây dựng kế hoạch triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng cuối năm tại Kế hoạch số 197/KH-YTKT ngày 14/10/2021*).

5.2. Số liệu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021: Không.

II. Tình hình triển khai thực hiện dự toán thu, chi

1. Số liệu báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021

Theo Biên bản xét duyệt báo cáo quyết toán của năm 2021.

1.1. Nguồn thu sự nghiệp (KCB BHYT, viện phí, phí, lệ phí, dịch vụ...):

- Số năm trước chuyển sang: 1.699.055.232 đồng.
- + KCB BHYT, viện phí: 1.699.055.232 đồng;
- + Hoạt động dịch vụ khác: 0 đồng.
- Tổng số thu trong năm: 5.417.449.723 đồng.
- + KCB BHYT, viện phí: 5.417.449.723 đồng;
- + Hoạt động dịch vụ khác: 0 đồng.
- Số phải nộp ngân sách nhà nước: 0 đồng.
- Tổng số được sử dụng: 7.116.504.955 đồng.
- + KCB BHYT, viện phí: 7.116.504.955 đồng;
- + Hoạt động dịch vụ khác: 0 đồng.
- Số chấp nhận quyết toán: 5.192.135.073 đồng.
- + KCB BHYT, viện phí: 5.192.135.073 đồng;
- + Hoạt động dịch vụ khác: 0 đồng.
- Số tồn (thặng dư còn lại chưa phân phối) chuyển năm sau: 1.542.108.744 đồng; số tồn các quỹ chưa sử dụng: 382.261.138 đồng, (trong đó, quỹ khen thưởng: 45.123.000 đồng; quỹ phúc lợi: 337.138.138 đồng; quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 0 đồng). Số phải trích thực hiện cải cách tiền lương năm 2021, đoàn xét duyệt quyết toán tạm tính với số tiền: - 54.971.994 đồng (âm do đã trích trong năm trước) và tiền cơ cấu lương vào giá dịch vụ từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị năm 2021 theo Công văn số 383/BHXH-GĐBHYT ngày 11/3/2022 xác định với số tiền: 1.968.208.990 đồng.

1.2. Quyết toán chi ngân sách nhà nước cấp:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 378.342.700 đồng.
- Dự toán được giao trong năm: 27.693.831.100 đồng, trong đó:
- + Dự toán giao đầu năm: 20.395.000.000 đồng;
- + Dự toán tăng trong năm: 7.298.831.100 đồng.
- Kinh phí được sử dụng trong năm: 28.072.173.800 đồng.
- Kinh phí thực nhận trong năm: 28.034.150.600 đồng.
- Kinh phí quyết toán: 28.034.150.600 đồng (gồm số quyết toán từ các quỹ).
- Kinh phí giảm trong năm (hủy dự toán): 38.023.200 đồng.
- Số dự kinh phí được chuyển năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng.
- + Kinh phí đã nhận: 0 đồng;
- + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng.

1.3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

a) Đối với nguồn ngân sách nhà nước cấp:

- Loại 130 khoản 131 (*Hoạt động y tế dự phòng*): Dự toán năm trước chuyển sang 378.342.700 đồng; dự toán giao: 24.991.374.100 đồng; thực hiện quyết toán 25.331.693.600 đồng; tồn dự toán tại KBNN được phép chuyển nguồn sang năm sau 0 đồng; hủy dự toán 38.023.200 đồng. Thực hiện đạt 99,85% so với dự toán được giao.

- Loại 130 khoản 132 (*Hoạt động khám bệnh, chữa bệnh*): Dự toán năm trước chuyển sang: 0 đồng; dự toán giao: 252.457.000 đồng; thực hiện quyết toán 252.457.000 đồng; hủy dự toán 0 đồng. Thực hiện đạt 100% so với dự toán được giao.

- Loại 130 khoản 151 (*Hoạt động Y tế - Dân số*): Dự toán giao 2.450.000.000 đồng; thực hiện quyết toán 2.450.000.000 đồng; hủy dự toán 0 đồng. Thực hiện đạt 100% so với dự toán được giao.

b) Đối với nguồn thu sự nghiệp tại đơn vị:

- Đánh giá số thu hoạt động sự nghiệp (*khám, chữa bệnh BHYT, viện phí, thu hoạt động khác...*): Dự toán thu của đơn vị năm 2021 là 4.646.000.000 đồng; thu trong năm là 5.417.449.723 đồng (theo biên bản đối chiếu số liệu quyết toán của đơn vị với BHXH số). Trong đó: Nguồn thu khám, chữa bệnh BHYT quý IV năm 2021 là số liệu đơn vị đề nghị với BHXH; và trừ số giảm năm 2020 khi BHXH thực hiện quyết toán lại quý IV năm 2020 số tiền 440.845.014 đồng. So sánh dự toán thu trong năm 2021 đạt 116,6% dự toán thu xây dựng từ đầu năm.

Nguyên nhân chênh lệch giảm nguồn thu trong năm 2021: Nguồn khám, chữa bệnh BHYT giảm với số tiền: 444.266.395 đồng so với số trong báo cáo tài chính của đơn vị. Lý do: Số liệu BHXH không đồng ý chấp nhận quyết toán so với số đề nghị của đơn vị; đơn vị giảm số chênh lệch quyết toán năm 2020 sau khi đã tiến hành xét duyệt vào số đầu kỳ mà không giảm trong kỳ.

- Tình hình thực hiện nguồn thu sự nghiệp: Số năm trước chuyển sang 1.699.055.232 đồng (*lý do khác với số báo cáo quyết toán của đơn vị do đơn vị giảm trừ số giảm năm 2020 khi BHXH thực hiện quyết toán lại quý IV năm 2020 số tiền 443.790204 đồng vào số đầu kỳ*), thu trong năm là 5.417.449.723 đồng; thực hiện quyết toán trong năm là 5.192.135.073 đồng; kinh phí chuyển năm sau sử dụng số tiền: 1.924.369.882 đồng.

- Trích nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2021: Tổng thu sự nghiệp 5.417.449.723 đồng. Nộp ngân sách nhà nước 0 đồng; thực hiện trích 35% nguồn cải cách tiền lương - 54.971.994 đồng (*âm do đã trích trong năm trước*).

1.4. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 225.314.650 đồng, Trong đó:

- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng.
- Thu nhập tăng thêm: 1.232.662.500 đồng.
- Trích nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 111.170.039 đồng;
- Trích lập các Quỹ: 386.548.171 đồng, gồm:
 - + *Quỹ khen thưởng: 0 đồng;*

- + *Quỹ phúc lợi: 386.548.171 đồng;*
- + *Quỹ ổn định thu nhập: 0 đồng;*
- + *Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 0 đồng.*

2. Công tác kiểm kê, khoá sổ cuối năm:

2.1. Kiểm kê tài sản công: Phòng Tài chính - Kế toán không tham mưu tổ chức kiểm kê tài sản cuối năm để khoá sổ kế toán theo quy định tại khoản 7, Điều 5 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán Hành chính - Sự nghiệp “*Khóa sổ kế toán là việc cộng số để tính ra tổng số phát sinh bên Nợ, bên Có và số dư cuối kỳ của từng tài khoản kế toán hoặc tổng số thu, chi, tồn quỹ, nhập, xuất, tồn kho*”.

2.2. Kiểm kê quỹ tiền mặt:

- *Kiểm kê quỹ tiền mặt hàng tháng:* Phòng Tài chính - Kế toán không tổ chức kiểm kê quỹ tiền mặt theo quy định tại điểm a, khoản 7, Điều 5 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán Hành chính - Sự nghiệp “*Sổ quỹ tiền mặt phải thực hiện khóa sổ vào cuối mỗi ngày. Sau khi khóa sổ phải thực hiện đối chiếu giữa sổ tiền mặt của kế toán với sổ quỹ của thủ quỹ và tiền mặt có trong két đảm bảo chính xác, khớp đúng. Riêng ngày cuối tháng phải lập Bảng kiểm kê quỹ tiền mặt, sau khi kiểm kê, Bảng kiểm kê quỹ tiền mặt được lưu cùng với sổ kế toán tiền mặt ngày cuối cùng của tháng*”.

- *Kiểm kê cuối năm:* Phòng Tài chính - Kế toán đơn vị có tổ chức kiểm kê quỹ tiền mặt tại Biên bản ngày 15/01/2022.

2.3. Đối chiếu tiền gửi Kho bạc: Đơn vị thực hiện xác nhận số dư tiền gửi Ngân hàng; xác nhận số dư tiền gửi Kho bạc ngày 05/01/2022.

2.4. Đối chiếu công nợ: Đơn vị có mở sổ tổng hợp theo dõi công nợ phải trả trả. Cuối năm đơn vị không tổ chức đối chiếu công nợ.

3. Kiểm tra công tác lập, luân chuyển chứng từ kế toán, hạch toán, mở sổ kế toán, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước:

Công tác lập, luân chuyển chứng từ kế toán, bộ phận kế toán đơn vị thực hiện cơ bản đảm bảo theo Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Kế toán; tuy nhiên qua kiểm tra có một số hồ sơ, chứng từ đơn vị lập chưa đúng theo quy định của Luật Kế toán.

3.1. Chứng từ kế toán:

a) Hồ sơ gói thầu mua sắm nhà bạt phục vụ công tác tiêm chủng vắc xin Covid-19, giá gói thầu 62.400.000 đồng (*Hoá đơn kế toán trưởng ký, không có Biên bản giao nhận hàng*); Gói thầu mua kê sắt tài liệu, giá gói thầu 28.700.000 đồng (*Biên bản giao nhận hàng ngày 17/12/2021*). Các gói thầu trên, Kế toán trưởng trực tiếp đi mua hàng, là vi phạm Điều 19 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định những người không được làm kế toán: “*Người đang làm quản lý, điều hành, thủ kho, thủ quỹ, người được giao nhiệm vụ thường xuyên mua, bán tài sản trong cùng một đơn vị kế toán, trừ trường hợp trong cùng doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân*”.

làm chủ sở hữu và các doanh nghiệp thuộc loại hình khác không có vốn nhà nước và là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa”.

b) Giấy rút dự toán ngân sách Nhà nước số: CTX131.35.CK ngày 24/3/2021, số tiền 153.960.000 đồng (*trong đó chuyển tiền hỗ trợ tiền nước uống đóng bình cho 21 trạm y tế xã, phường năm 2021 là 25.200.000 đồng*). Trong năm 2020, TTYT thành phố đã lắp đặt 11 máy lọc nước uống nóng lạnh cho 11 trạm y tế xã, phường nhưng phòng Tài chính - Kế toán vẫn chuyển tiền hỗ trợ tiền nước uống đóng bình cho 21 trạm y tế xã, phường năm 2021 (*tháng 7 năm 2021, Sở Y tế có lắp đặt 10 máy lọc nước uống nóng lạnh cho 10 trạm y tế còn lại*).

c) Chứng từ thanh toán tiền khoán công tác phí tại các Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước quý I, số: CTX131.20/CK ngày 03/3/2021, số tiền 19.500.000 đồng; quý II, số: CTX131.71/CK ngày 01/6/2021, số tiền 19.500.000 đồng; quý III, số: CTX131.104/CK ngày 06/9/2021, số tiền 19.500.000 đồng; quý IV, số: CTX131.136/CK ngày 01/12/2021, số tiền 19.500.000 đồng.

Tổng số người khoán công tác phí là 13 người, trong đó kế toán và văn thư là 04 người; còn lại 09 người đơn vị xác định đối tượng để khoán công tác phí là chưa đúng với quy định tại khoản 1, Điều 8, Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị có nêu: *“Đối với cán bộ cấp xã thường xuyên phải đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng; cán bộ thuộc các cơ quan, đơn vị còn lại phải thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng (như: Văn thư; kế toán giao dịch; cán bộ kiểm lâm đi kiểm tra rừng; cán bộ các cơ quan tố tụng đi điều tra, kiểm sát, xác minh, tổng đạt và các nhiệm vụ phải thường xuyên đi công tác lưu động khác); thì tùy theo đối tượng, đặc điểm công tác và khả năng kinh phí, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định mức khoán tiền công tác phí theo tháng cho người đi công tác lưu động để hỗ trợ tiền gửi xe, xăng xe theo mức 500.000 đồng/người/tháng và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị”.*

Theo điểm b, khoản 2, Điều 5, Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị có nêu *“Đối với cán bộ, công chức, viên chức không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác, nhưng nếu đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên (đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và từ 15 km trở lên (đối với các xã còn lại) mà tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi công tác và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị”.* Đơn vị chi trả tiền khoán công tác phí hàng tháng cho các đối tượng còn lại là không đúng quy định và theo khoản 4, Điều 10 Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 có nêu *“Bảng kê độ dài quãng đường đi công tác trình thủ trưởng cơ quan, đơn vị duyệt thanh toán (áp dụng khi thanh toán khoán chi phí đi lại)”.*

d) Chứng từ thanh toán tiền đổ mực máy in, thay thế linh kiện, cài đặt sửa chữa của đơn vị năm 2021: Đơn vị thực hiện ký hợp đồng nguyên tắc đầu năm và thực hiện cho cả năm là không đúng với quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài

sản công năm 2017 và khoản 2, Điều 8 Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum. Chứng từ kế toán tổng hợp thanh toán hàng quý là không đúng quy định tại khoản 2, khoản 4, Điều 5 Luật Kế toán 2015: “*Phản ánh kịp thời, đúng thời gian quy định thông tin, số liệu kế toán và Phản ánh trung thực, khách quan hiện trạng, bản chất sự việc, nội dung và giá trị của nghiệp vụ kinh tế, tài chính*”.

3.2. Về hạch toán kế toán và sổ kế toán:

Qua kiểm tra hồ sơ mua sắm, sửa chữa tài sản công năm 2021 của đơn vị, và việc hạch toán kế toán, vào sổ theo dõi tài sản cố định, báo cáo tăng, giảm tài sản cố định (TSCĐ), số liệu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: 1000 đồng.

Số TT	Nội dung	Giá trị hình thành TSCĐ		Ghi tăng TSCĐ trong kỳ và Hạch toán kế toán		
		Đơn vị tính	Giá trị	Số liệu báo cáo	Số liệu kiểm tra	Chênh lệch
1	Làm nhà bạc	01	62.400	0	62.400	62.400
2	Bộ Máy vi tính	04	14.725	58.900	58.900	0
3	Máy lọc nước	03	13.500	0	40.000	40.000
4	Sửa chữa Trung tâm Y tế	01	48.601	0	48.601	48.601
5	Sửa chữa TYT Trường Chinh	01	49.775	0	49.775	49.775
6	Sửa chữa TYT Đoàn Kết	01	49.585	0	49.585	49.585
	Tổng cộng		309.761	58.900	309.761	250.861

Ngoài các tài sản cố định nêu trên, tháng 7 năm 2021, Sở Y tế có lắp đặt 10 máy lọc nước uống nóng lạnh cho 10 trạm y tế còn lại nhưng Kế toán trưởng để ngoài sổ theo dõi tài sản của đơn vị.

Theo quy định tại điểm a, b, Khoản 1, Điều 3 quy định tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định của Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: “*Có thời gian sử dụng từ 01 (một) năm trở lên; Có nguyên giá từ mười triệu đồng trở lên*”. Điểm b, khoản 1, Điều 10 thay đổi nguyên giá tài sản cố định của Thông tư số 45/2018/TT-BTC: “*Thực hiện nâng cấp, mở rộng, sửa chữa tài sản cố định theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt*” và khoản 2, Điều 10: “*Khi phát sinh việc thay đổi nguyên giá tài sản cố định (trừ tài sản cố định là quyền sử dụng đất quy định tại điểm d khoản 1 Điều này), cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện lập Biên bản ghi rõ lý do thay đổi nguyên giá; đồng thời xác định lại các chỉ tiêu nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản cố định để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện kế toán theo quy định*”.

Như vậy, trong năm 2021, đơn vị mua sắm, sửa chữa tài sản công với tổng giá trị là: 309.761.000 đồng nhưng đơn vị chỉ báo cáo ghi tăng và hạch toán kế toán vào sổ kế toán (04 bộ máy tính để bàn với số tiền 58.900.000 đồng); Kế toán trưởng để ngoài sổ sách kế toán tài sản công với số tiền là 250.861.000 đồng và 10 máy lọc nước uống nóng lạnh cho 10 trạm y tế do Sở Y tế cung cấp. Việc này là vi phạm điều cấm của Luật Kế toán năm 2015. Theo quy định tại khoản 3, Điều 13: Các hành vi bị nghiêm cấm “Để ngoài sổ kế toán tài sản, nợ phải trả của đơn vị kế toán hoặc có liên quan đến đơn vị kế toán”.

4. Kiểm tra một số hồ sơ mua sắm, sửa chữa trang thiết bị và hồ sơ sửa chữa các hạng mục công trình xây dựng:

Do thời gian có hạn, thành viên đoàn thanh tra không kiểm tra toàn bộ công tác mua sắm, sửa chữa trong năm 2021; chỉ chọn ngẫu nhiên một số gói thầu mua sắm, sửa chữa trang thiết bị và hồ sơ sửa chữa các hạng mục công trình xây dựng. Trong quá trình kiểm tra, thành viên đoàn thanh tra không đòi chiếu xác nhận số liệu đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh tại đơn vị.

4.1. Kiểm tra một số Hồ sơ mua sắm, sửa chữa trang thiết bị:

a) Gói thầu mua kệ sắt tài liệu, giá gói thầu: 28.700.000 đồng:

Hồ sơ gói thầu mua sắm của đơn vị gồm: Phiếu đề xuất mua sắm; 03 báo giá của nhà cung cấp; Hợp đồng; Biên bản nghiệm thu và bàn giao; biên bản thanh lý hợp đồng; Hoá đơn; giấy rút dự toán ngân sách.

b) Gói thầu mua máy vi tính để bàn cho khoa Kiểm soát bệnh tật, Trạm Y tế phường Duy Tân và Trạm Y tế phường Nguyễn Trãi, giá trị gói thầu: 44.400.000 đồng:

Hồ sơ gói thầu mua sắm của đơn vị gồm: Tờ trình số 01/TTr-TYT ngày 15/07/2021 của Trạm Y tế phường Nguyễn Trãi, Tờ trình số 11/TTr-TYT ngày 03/11/2021 của Trạm Y tế phường Duy Tân và Phiếu đề xuất của khoa Kiểm soát bệnh tật ngày 06/7/2021; 03 Báo giá; Hợp đồng kinh tế số 63/HĐKT-TN2 ngày 15/11/2021 giữa TTYT và Cửa hàng điện máy Thành Nhân 2; Biên bản nghiệm thu và bàn giao hàng hoá; Biên bản thanh lý hợp đồng; Hoá đơn số 0003558; Biên bản bàn giao đưa tài sản vào sử dụng.

c) Gói thầu mua sắm máy lọc nước, giá gói thầu 40.500.000 đồng:

Hồ sơ gói thầu mua sắm của đơn vị gồm: Kế hoạch mua sắm số 154/KH-YTKT ngày 24/6/2021; 03 Báo giá của 3 nhà cung cấp; Quyết định chỉ định thầu số 132/QĐ-YTKT ngày 25/6/2021; Hợp đồng mua bán hàng hoá ngày 25/6/2021; Biên bản bàn giao hàng hoá ngày 29/6/2021; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngày 30/6/2021; Hoá đơn số 0046064 ngày 30/6/2021; Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước số CTX131.85/CK ngày 01/7/2021.

d) Gói thầu mua máy đo thân nhiệt cho 21 trạm y tế, giá gói thầu: 49.680.000 đồng:

Hồ sơ gói thầu mua sắm của đơn vị gồm: Kế hoạch mua sắm, 03 báo giá, Hợp đồng, biên bản nghiệm thu, bàn giao, hoá đơn điện tử, Giấy rút dự toán ngân sách.

đ) Gói thầu mua máy quét 2D để bàn cho 10 trạm y tế, giá gói thầu:

28.500.000 đồng:

Hồ sơ gói thầu mua sắm của đơn vị gồm: Kế hoạch mua sắm, 03 báo giá, Hợp đồng, biên bản nghiệm thu, bàn giao, hoá đơn điện tử, Giấy rút dự toán ngân sách.

** Qua kiểm tra hồ sơ mua sắm của 05 gói thầu nêu trên:*

Các gói thầu có giá trị dưới 100 triệu đồng, đơn vị áp dụng hình thức chỉ định thầu rút gọn theo quy định tại Điều 15, Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ, đơn vị không thực hiện đúng quy trình mua sắm, cụ thể:

- Một số gói thầu, đơn vị không xây dựng Kế hoạch mua sắm trình Thủ trưởng phê duyệt trước khi triển khai thực hiện; không có phiếu yêu cầu báo giá gửi cho các đơn vị để căn cứ cung cấp báo giá (*vì phải xây dựng cấu hình để các đơn vị có cơ sở cung cấp giá*).

- Đơn vị không lập trình thẩm định và phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 15 “*Có kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt*” và khoản 4, Điều 19, Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 “*Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập sau khi có quyết định phê duyệt dự toán mua sắm hoặc đồng thời với quá trình lập dự toán mua sắm*”.

05 gói thầu trên không có dự toán được duyệt, là vi phạm khoản 3, Điều 18 về Các hành vi bị cấm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015: “*Chi không có dự toán, trừ trường hợp quy định tại Điều 51 của Luật này; chi không đúng dự toán ngân sách được giao; chi sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi, không đúng mục đích; tự đặt ra các khoản chi trái với quy định của pháp luật*”.

e) Gói thầu mua sắm nhà bạt phục vụ công tác tiêm chủng vắc xin Covid-19, giá gói thầu 62.400.000 đồng:

Hồ sơ gói thầu mua sắm của đơn vị gồm: 03 Báo giá (*Báo giá Cơ sở in nghệ thuật ngày 26/7/2021 với giá trị 62.400.000 đồng; Báo giá Sao Đông Phương ngày 26/7/2021, giá 65.000.000 đồng; Báo giá Công ty TNHH MTV Tuấn Hoàng Việt ngày 26/7/2021, giá 67.600.000 đồng*); Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 28/7/2021 giữa TTYT và Cơ sở in nghệ thuật, địa chỉ tổ 2, phường Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum; Quyết định số 169/QĐ-YTKT ngày 29/7/2021 phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu; Hợp đồng kinh tế số 60/HĐKT-TN2 ngày 29/7/2021 giữa TTYT và Cơ sở in nghệ thuật; Biên bản nghiệm thu và bàn giao ngày 03/8/2021; Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 03/8/2021; Hoá đơn số 0047742; Biên bản bàn giao đưa tài sản vào sử dụng.

Theo giải trình của đơn vị tại Biên bản xác nhận nội dung và số liệu kiểm tra ngày 30/11/2022: Qua thời gian sử dụng cho tất cả điểm tiêm chủng, cây sắt chống mưa nắng hư hỏng, rỉ đã không sử dụng được. Còn bạt cuốn đang giữ trong kho trung tâm cũng không biết sẽ sử dụng để làm gì sau khi phục vụ tiêm chủng.

4.2. Kiểm tra hồ sơ sửa chữa các hạng mục công trình xây dựng:

a) Hồ sơ sửa chữa Trạm Y tế phường Trường Chinh, giá trị thanh toán 49.775.000 đồng:

Hồ sơ đơn vị lập gồm: Tờ trình số 19/TTr-TYT ngày 23/11/2021 của Trạm Y tế phường Trường Chinh về việc xin gia cố mái vòm và chống thấm tường trạm y tế; Biên bản xác định mức độ hư hỏng của TTYT thành phố và trạm y tế ngày 01/12/2021; Biên bản thương thảo và hoàn thiện hợp đồng ngày 02/12/2021 giữa TTYT và Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng và thương mại Tây Nguyên; Quyết định chỉ định thầu số 217/QĐ-YTKT ngày 03/12/2021; Hợp đồng sửa chữa ngày 03/12/2021; Biên bản nghiệm thu hoàn thành ngày 13/12/2021; Hoá đơn số 0000024 ngày 13/12/2021 với số tiền 49.775.000 đồng (*hoá đơn chưa có người mua ký*); Giấy rút dự toán ngân sách ngày 15/12/2021, số tiền 49.775.000 đồng.

b) Hồ sơ sửa chữa Trạm Y tế xã Đoàn Kết, giá trị thanh toán 49.585.000 đồng:

Hồ sơ đơn vị lập gồm: Tờ trình số 02/TTr-TYT ngày 21/9/2021 của Trạm Y tế xã Đoàn Kết về việc xin làm nhà để xe, sân bê tông trạm y tế; Biên bản xác định mức độ hư hỏng của TTYT thành phố và trạm y tế ngày 07/10/2021; Biên bản thương thảo và hoàn thiện hợp đồng ngày 07/10/2021 giữa TTYT và Công ty TNHH Hùng Vinh Kon Tum; Quyết định chỉ định thầu số 202/QĐ-YTKT ngày 08/10/2021; Hợp đồng sửa chữa ngày 08/10/2021; Biên bản nghiệm thu hoàn thành ngày 18/10/2021; Hoá đơn số 0000010 ngày 13/12/2021 với số tiền 49.585.000 đồng (*hoá đơn chưa có người mua ký*); Giấy rút dự toán ngân sách ngày 23/11/2021, số tiền 49.585.000 đồng.

c) Hồ sơ sửa chữa trụ sở làm việc Trung tâm Y tế thành phố, giá trị thanh toán 48.601.000 đồng:

Hồ sơ đơn vị lập gồm: Biên bản xác định mức độ hư hỏng của TTYT thành phố ngày 17/11/2021; Biên bản thương thảo và hoàn thiện hợp đồng ngày 18/11/2021 giữa TTYT và Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng và thương mại Tây Nguyên; Quyết định chỉ định thầu số 209/QĐ-YTKT ngày 18/11/2021; Hợp đồng sửa chữa ngày 19/11/2021; Biên bản nghiệm thu hoàn thành ngày 29/11/2021; Hoá đơn số 0000023 ngày 29/11/2021 với số tiền 48.601.000 đồng (*hoá đơn chưa có người mua ký*); Giấy rút dự toán ngân sách ngày 02/12/2021, số tiền 48.601.000 đồng.

** Qua kiểm tra hồ sơ của 03 hạng mục công trình sửa chữa Trạm Y tế phường Trường Chinh, Trạm Y tế xã Đoàn Kết và trụ sở làm việc TTYT thành phố Kon Tum, nhận thấy:*

- Đơn vị căn cứ khoản 19, Điều 3 Gói thầu có giá không quá 50 triệu đồng, Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 8/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 26 Luật đấu thầu để sửa chữa các hạng mục của 03 công trình trên nên không lập Hồ sơ, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các hạng mục của 03 công trình theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước, cụ thể:

- Đơn vị không triển khai thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 35, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và

không thực hiện theo Công văn số 1763/LN-SKHĐT-STC-SXD ngày 01/7/2021 của liên ngành: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng về việc hướng dẫn sửa chữa công trình, thiết bị công trình sử dụng nguồn vốn nhà nước chi thường xuyên.

- Không có Biên bản đánh giá hiện trạng hư hỏng công trình của Liên ngành (*Sở Xây dựng, Sở Tài chính và Sở Y tế*).

- Không có chủ trương đầu tư sửa chữa của Sở Y tế theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và khoản 2, Điều 8, Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Không có hồ sơ, tài liệu và dự toán sửa chữa theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

- Không có hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công để làm cơ sở đo bóc tách dự toán công trình.

- Không có hồ sơ dự toán hạng mục công trình theo quy định tại Điều 12, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Không xin ý kiến của Sở Xây dựng trước khi tổ chức thẩm định kế hoạch và dự toán.

- Không có báo cáo thẩm định kế hoạch, thiết kế và dự toán.

- Không có quyết định phê duyệt kế hoạch và dự toán công trình.

- Không xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu để thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

* 03 hạng mục công trình nêu trên, đơn vị triển khai không có dự toán được duyệt là vi phạm khoản 3, Điều 18 về các hành vi bị cấm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015: *“Chi không có dự toán, trừ trường hợp quy định tại Điều 51 của Luật này; chi không đúng dự toán ngân sách được giao; chi sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi, không đúng mục đích; tự đặt ra các khoản chi trái với quy định của pháp luật”*.

5. Kiểm tra nguồn kinh phí triển khai thực hiện công tác Dân số - Kế hoạch hoá gia đình

5.1. Khoản tiền công tác phí:

Chúng tôi thanh toán tiền khoản công tác phí tại các Giấy rút dự toán ngân sách Nhà nước: Quý I, số: CTX151.01/CK ngày 02/3/2021, số tiền 33.000.000 đồng; Quý II, số: CTX151.07/CK ngày 01/6/2021, số tiền 33.000.000 đồng; Quý III, số: CTX151.12/CK ngày 01/9/2021, số tiền 31.500.000 đồng; Quý IV, số: CTX151.20/CK ngày 01/12/2021, số tiền 32.000.000 đồng. Tổng số người khoán công tác phí là 22 người, trong đó 01 viên chức là Trưởng Phòng Dân số đơn vị khoán công tác phí là chưa đúng với quy định tại khoản 1, Điều 8 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị có nêu *“Đối với cán bộ cấp xã thường xuyên phải đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng; cán bộ thuộc các cơ quan, đơn vị còn lại phải thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng (như: Văn thư; kế toán giao*

dịch; cán bộ kiểm lâm đi kiểm tra rừng; cán bộ các cơ quan tổ tụng đi điều tra, kiểm sát, xác minh, tổng đạt và các nhiệm vụ phải thường xuyên đi công tác lưu động khác”.

5.2. Thanh toán tiền lưu trú:

Chứng từ thanh toán tiền công tác phí tại các Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước số CTX 151.31/CK ngày 23/12/2021 chi thanh toán tiền công tác phí giám sát nông thôn mới tại xã Đăk Blà, Đăk Rô Wa, Ngọc Bay (*nguồn chi khác - Dân số viên*) cho 05 viên chức với số tiền 2.250.000 đồng; số CTX 151.09/CK ngày 01/7/2021 chi thanh toán tiền công tác phí dự giao ban cộng tác viên dân số tại 21 xã, phường cho 06 viên chức với số tiền 4.725.000 đồng là chưa đúng với điểm 2, mục I, phần A phụ lục 01 của Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh Khóa XI Kỳ họp thứ 4 quy định phụ cấp lưu trú đối với trường hợp đi công tác đi và về trong ngày: *Căn cứ theo số giờ thực tế đi công tác trong ngày, theo thời gian phải làm ngoài giờ hành chính (bao gồm cả thời gian đi trên đường), quãng đường đi công tác và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị. Tại Điều 21 Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành theo Quyết định số 01/QĐ-YTKT ngày 04/01/2021 của Giám đốc TTYT thành phố Kon Tum không quy định quãng đường đi công tác để làm căn cứ thanh toán phụ cấp lưu trú khi đi công tác theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XI Kỳ họp thứ 4; Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị. Vì vậy, số tiền thanh toán tại các Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước số CTX 151.31/CK ngày 23/12/2021 (2.250.000 đồng) và số CTX 151.09/CK ngày 01/7/2021 (4.725.000 đồng) là chưa đúng quy định.*

6. Công tác quản lý, sử dụng thuốc, hoá chất, vật tư y tế (VTYT)

6.1. Mua thuốc trong danh mục thuốc đấu thầu tập trung:

- Đơn vị thực hiện việc mua thuốc theo Thỏa thuận khung được ký kết giữa đơn vị mua sắm tập trung và nhà thầu trúng thầu theo kết quả đấu thầu tập trung.

- *Tồn tại, thiếu sót:* Chứng từ kèm theo hồ sơ thanh toán của kế toán, cụ thể như: Biên bản kiểm nhập thuốc, hoá chất, VTYT tiêu hao, phiếu nhập kho, kế toán lưu bản photocopy không có bản gốc (*bản gốc chỉ được lập 01 liên và chỉ được lưu tại khoa Dược kế toán không lưu chứng từ gốc trong hồ sơ kế toán*).

6.2. Công tác quản lý thuốc, hoá chất, VTYT:

- Xây dựng kế hoạch cung ứng thuốc: Đơn vị xây dựng kế hoạch cung ứng thuốc theo quy định tại Thông tư số 22/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 của Bộ Y tế quy định tổ chức và hoạt động của khoa Dược bệnh viện.

- Chứng từ nhập, xuất kho:

+ Phiếu nhập kho: Toàn bộ phiếu nhập kho thuốc, hoá chất, VTYT năm 2021, người lập phiếu và kế toán trưởng do một người là bà Hồ Đắc Thụy Khải Huyền, là nhân viên kế toán ký, không có chữ ký Kế toán trưởng là không đúng quy định tại Điều 19 của Luật Kế toán năm 2015 (*Điều 19 Luật Kế toán năm 2015 quy định: “Chứng từ kế toán phải có đủ chữ ký theo chức danh quy định trên chứng từ. Chữ*

ký trên chứng từ kế toán phải do người có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền ký”).

+ Phiếu xuất kho: Toàn bộ phiếu xuất kho thuốc, hoá chất, VTYT năm 2021 đều có những thiếu sót như phiếu nhập kho.

- Sổ sách theo dõi, quản lý: Sau khi lập Biên bản kiểm nhập, khoa Dược cần thực hiện vào sổ kiểm nhập thuốc, hóa chất, VTYT tiêu hao theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 15 và Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 của Bộ Y tế.

- Công tác kiểm kê:

+ Đơn vị có tổ chức kiểm kê thuốc, vật tư, hoá chất theo quy định tại Thông tư số 22/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 của Bộ Y tế.

+ Hội đồng kiểm kê thuốc, hoá chất, trang thiết bị, VTYT tiêu hao được kiện toàn tại Quyết định số 130/QĐ-YTKT ngày 09/6/2021 của Giám đốc TTYT thành phố Kon Tum. Tuy nhiên, thành viên của Hội đồng kiểm kê cuối năm cần bổ sung Trưởng phòng Điều dưỡng hoặc người phụ trách công tác Điều dưỡng (*trong trường hợp không có phòng Điều dưỡng riêng*) theo đúng quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 16 Thông tư số 22/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 của Bộ Y tế.

- Công tác báo cáo: Đơn vị thực hiện báo cáo tình hình sử dụng thuốc, hoá chất, vật tư y tế theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 22/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 của Bộ Y tế.

C. KẾT LUẬN

I. Tình hình thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và hoạt động thanh tra của Thủ trưởng đơn vị

1. Ưu điểm:

- Đơn vị đã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng; kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập. Ban hành Quy chế quản lý tài sản công; Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Ban hành Quy trình tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, kiến nghị, phản ánh; Nội quy tiếp công dân.

- Ban hành các văn bản triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ quan; thực hiện nghiêm túc hội nghị công chức, viên chức theo quy định.

2. Tồn tại, thiếu sót:

- Nội dung tuyên truyền về công tác phòng chống tham nhũng chưa đầy đủ; Chưa thực hiện việc công khai minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật Phòng, chống tham nhũng.

- Chưa thực hiện nghiêm túc một số văn bản chỉ đạo của cấp trên về công tác phòng, chống tham nhũng.

- Chưa xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo quy định tại Điều 26 Luật Phòng, chống tham nhũng. Chưa xây dựng kế hoạch kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2021.

- Không có kế hoạch hoặc lịch tiếp công dân; việc mở sổ tiếp công dân chưa đúng quy định.

- Không tổ chức thực hiện tự kiểm tra: Công tác phòng, chống tham nhũng; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại đơn vị.

- Việc giải quyết đơn khiếu nại của viên chức chưa dứt điểm, dẫn đến viên chức gửi đơn khiếu nại lần 2 lên Sở Y tế.

- Không có báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo.

- Chưa thực hiện công khai các nội dung phải công khai để viên chức biết theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Chưa xây dựng kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ đầu năm. Số liệu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021: Không.

Những tồn tại, thiếu sót nêu trên thuộc trách nhiệm của Lãnh đạo TTYT thành phố Kon Tum; Lãnh đạo phòng Tổ chức - Hành chính và các cá nhân có liên quan.

II. Công tác quản lý và sử dụng kinh phí:

1. Ưu điểm:

- Cuối năm, phòng Tài chính - Kế toán đã tổ chức kiểm kê quỹ tiền mặt tại Biên bản ngày 15/01/2022. Đã thực hiện xác nhận số dư tiền gửi Ngân hàng; xác nhận số dư tiền gửi Kho bạc. Đã mở sổ tổng hợp theo dõi công nợ phải trả.

- Công tác lập, luân chuyển chứng từ kế toán, bộ phận kế toán đơn vị thực hiện cơ bản đảm bảo quy định của Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Kế toán.

2. Tồn tại, thiếu sót:

2.1. Kiểm kê tài sản, kiểm kê quỹ tiền mặt, đối chiếu công nợ cuối năm:

Phòng Tài chính - Kế toán không tham mưu tổ chức kiểm kê tài sản cuối năm để khoá sổ kế toán, không tổ chức kiểm kê quỹ tiền mặt hàng tháng theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; không tổ chức đối chiếu công nợ.

Những tồn tại, thiếu sót nêu trên thuộc trách nhiệm của Lãnh đạo TTYT thành phố Kon Tum, Kế toán Trưởng và các cá nhân có liên quan.

2.2. Chứng từ kế toán:

- Một số gói thầu, Kế toán trưởng trực tiếp đi mua hàng, là vi phạm Điều 19 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ.

- Các trạm y tế xã, phường đã được lắp đặt máy lọc nước uống nóng, lạnh nhưng đơn vị vẫn chuyển tiền hỗ trợ tiền nước uống đóng bình cho 21 trạm y tế xã, phường.

- Xác định đối tượng để khoán công tác phí chưa đúng quy định tại Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Chứng từ thanh toán tiền đồ mực máy in, thay thế linh kiện, cài đặt sửa chữa tại đơn vị năm 2021 không đúng với quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của HĐND tỉnh; chứng từ kế toán tổng hợp thanh toán hàng quý là không đúng quy định của Luật Kế toán 2015.

Những tồn tại, thiếu sót nêu trên, thuộc trách nhiệm của Lãnh đạo TTYT thành phố Kon Tum, Kế toán Trưởng và các cá nhân có liên quan.

2.3. Về hạch toán kế toán và sổ kế toán:

Kế toán trưởng để ngoài sổ sách kế toán tài sản công với số tiền là 250.861.000 đồng và 10 máy lọc nước uống nóng lạnh cho 10 trạm y tế xã, phường do Sở Y tế cung cấp. Việc này đã vi phạm điều cấm của Luật Kế toán năm 2015.

Tồn tại, thiếu sót nêu trên, thuộc trách nhiệm của Lãnh đạo TTYT thành phố Kon Tum, Kế toán Trưởng và các cá nhân có liên quan

2.4. Hồ sơ mua sắm trang thiết bị:

Hồ sơ thanh toán một số gói thầu mua sắm có giá trị dưới 100 triệu đồng, đơn vị thực hiện không đúng quy trình quy định tại Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; không có dự toán được duyệt, đã vi phạm khoản 3, Điều 18 về các hành vi bị cấm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Tồn tại, thiếu sót nêu trên, thuộc trách nhiệm của Lãnh đạo TTYT thành phố Kon Tum, Kế toán Trưởng và các cá nhân có liên quan.

2.5. Hồ sơ sửa chữa các hạng mục công trình xây dựng:

Hồ sơ sửa chữa các hạng mục công trình xây dựng, đơn vị thực hiện không đúng các quy định hiện hành của Nhà nước, cụ thể:

- Không có Biên bản đánh giá hiện trạng; không có chủ trương đầu tư sửa chữa của Sở Y tế;
- Không có hồ sơ, tài liệu và dự toán sửa chữa; không có hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công; không có hồ sơ dự toán hạng mục công trình;
- Không xin ý kiến của Sở Xây dựng trước khi tổ chức thẩm định Kế hoạch và dự toán;
- Không có báo cáo thẩm định kế hoạch, thiết kế và dự toán;
- Không có quyết định phê duyệt kế hoạch và dự toán công trình;
- Không xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu để thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Các gói thầu sửa chữa triển khai thực hiện không có dự toán được duyệt, đã vi phạm các hành vi bị cấm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015. Số tiền thanh toán sửa chữa các hạng mục công trình xây dựng là: 147.961.000 đồng.

Những tồn tại, thiếu sót nêu trên, thuộc trách nhiệm của Lãnh đạo TTYT thành phố Kon Tum, Kế toán Trưởng và các cá nhân có liên quan.

2.6. Chi thực hiện công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình:

- Khoản tiền công tác phí không đúng đối tượng theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Thanh toán tiền lưu trú đi công tác không đúng quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính và Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh.

Những tồn tại, thiếu sót nêu trên, thuộc trách nhiệm của Lãnh đạo TTYT thành phố Kon Tum, Kế toán Trưởng và các cá nhân có liên quan

2.7. Công tác quản lý, sử dụng thuốc, hoá chất, vật tư y tế (VTYT):

- Chứng từ kèm theo hồ sơ thanh toán của kế toán, cụ thể như: Biên bản kiểm nhập thuốc, hoá chất, VTYT tiêu hao, phiếu nhập kho, kế toán lưu bản photocopy là không đúng quy định.

- Phiếu nhập kho, xuất kho thuốc, hoá chất, VTYT năm 2021, người lập phiếu và kế toán trưởng do một người là nhân viên kế toán ký, không có chữ ký Kế toán trưởng là không đúng quy định tại của Luật Kế toán năm 2015.

Những tồn tại, thiếu sót nêu trên, thuộc trách nhiệm của Lãnh đạo TTYT thành phố Kon Tum, Kế toán Trưởng và các cá nhân có liên quan.

- Hội đồng kiểm kê thuốc, hoá chất, trang thiết bị y tế, VTYT tiêu hao chưa đầy đủ thành viên theo đúng quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 16 Thông tư số 22/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 của Bộ Y tế. Trách nhiệm này thuộc Trưởng khoa Dược, cần rút kinh nghiệm và bổ sung thành phần Hội đồng kiểm kê theo đúng quy định.

III. Trách nhiệm để xảy ra những tồn tại thiếu sót trong việc thực hiện quy định của pháp luật về trách nhiệm phòng, chống tham nhũng; việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; hoạt động thanh tra của Thủ trưởng đơn vị; việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí tại đơn vị

Để xảy ra những tồn tại, thiếu sót nêu trên, trách nhiệm thuộc về:

1. Lãnh đạo TTYT thành phố Kon Tum:

Chịu trách nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, giám sát đối với các khoa, phòng và các cá nhân có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao nhưng đã để xảy ra nhiều tồn tại, thiếu sót mà Đoàn thanh tra đã nêu.

2. Các tập thể, cá nhân có liên quan:

Lãnh đạo phòng Tổ chức - Hành chính - Tài chính - Kế toán, Kế toán trưởng và các tập thể, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công đã để xảy ra nhiều tồn tại, thiếu sót mà Đoàn thanh tra đã nêu. Đặc biệt, Kế toán trưởng là người trực tiếp tham mưu cho Lãnh đạo trong công tác quản lý, sử dụng, thanh quyết toán các nguồn kinh phí được ngân sách nhà nước giao tại đơn vị, nhưng đã để xảy ra nhiều tồn tại, thiếu sót trong quá trình triển khai, thực hiện.

D. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

I. Về kinh tế: Thu hồi, nộp vào ngân sách nhà nước số tiền chi thanh toán sửa chữa các công trình xây dựng sai quy định là: 147.961.000 đồng (*Một trăm bốn mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi ngàn đồng*).

II. Về hành chính và lĩnh vực khác

TTYT thành phố Kon Tum có trách nhiệm:

1. Tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan, đặc biệt là Kế toán trưởng đơn vị, đã để dẫn đến nhiều tồn tại, thiếu sót nêu trên; xem xét kỷ luật cá nhân có liên quan (*theo thẩm quyền*) để dẫn đến những sai sót (*trường hợp đến mức phải kỷ luật*). Nghiêm túc xem xét những khuyết điểm của ông Nguyễn Như Thanh khi bổ nhiệm ông Nguyễn Như Thanh (*theo thẩm quyền*) vào chức vụ các khoa, phòng tại đơn vị.

2. Báo cáo đề xuất về Sở Y tế (*qua phòng Tổ chức - Hành chính*) để tham mưu Giám đốc Sở tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm đối với cá nhân thuộc chức danh do Sở quản lý; xem xét kỷ luật cá nhân có liên quan (*theo thẩm quyền*) để dẫn đến những sai sót (*trường hợp đến mức phải kỷ luật*).

3. Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện khắc phục ngay những tồn tại, thiếu sót mà Đoàn thanh tra đã nêu (*đối với những tồn tại, thiếu sót khắc phục được*).

III. Tổ chức thực hiện:

1. TTYT thành phố Kon Tum chịu trách nhiệm:

- Hoàn thành việc thực hiện các kiến nghị xử lý, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế trong thời gian 30 ngày kể từ ngày ban hành kết luận thanh tra.

- Niêm yết công khai kết luận thanh tra tại trụ sở làm việc của TTYT thành phố Kon Tum theo đúng quy định hiện hành.

2. Phòng Tổ chức - Hành chính Sở Y tế:

Có trách nhiệm tham mưu Giám đốc Sở tổ chức kiểm điểm đối với một số cá nhân có chức danh thuộc Sở quản lý, hoàn thành trong thời gian 45 ngày kể từ ngày ban hành kết luận thanh tra. Nghiêm túc xem xét những khuyết điểm của ông Nguyễn Như Thanh trong quá trình tham mưu, đề xuất Giám đốc Sở Y tế luân chuyển hoặc bổ nhiệm lại Kế toán Trưởng đối với ông Nguyễn Như Thanh./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Bộ Y tế;
- UBND tỉnh;
- Ban Nội chính tỉnh ủy;
- Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy;
- Thanh tra tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TTYT thành phố Kon Tum;
- Các phòng thuộc Sở Y tế;
- Lưu: VT, TTrS.

GIÁM ĐỐC

Võ Văn Thanh